

Số: 01/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Học viện Nông nghiệp Việt Nam

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-KĐCL ngày 09/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-KĐCL ngày 19/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXI của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XXI ngày 11-12/02/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Nông nghiệp Việt Nam của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Nông nghiệp Việt Nam theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Học viện và đã được Học viện đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Nông nghiệp Việt Nam cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Học viện Nông nghiệp Việt Nam cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

(Kèm theo Nghị quyết số: 01/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 02 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	4,26
Tiêu chuẩn 1	4,60
Tiêu chuẩn 2	3,75
Tiêu chuẩn 3	4,25
Tiêu chuẩn 4	4,00
Tiêu chuẩn 5	4,00
Tiêu chuẩn 6	4,57
Tiêu chuẩn 7	4,40
Tiêu chuẩn 8	4,50
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4,10
Tiêu chuẩn 9	4,33
Tiêu chuẩn 10	4,25
Tiêu chuẩn 11	4,00
Tiêu chuẩn 12	3,80

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	4,17
Tiêu chuẩn 13	3,80
Tiêu chuẩn 14	3,80
Tiêu chuẩn 15	4,20
Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 17	4,50
Tiêu chuẩn 18	4,50
Tiêu chuẩn 19	4,25
Tiêu chuẩn 20	4,50
Tiêu chuẩn 21	4,25
Mục 4. Kết quả hoạt động	4,27
Tiêu chuẩn 22	4,25
Tiêu chuẩn 23	4,33
Tiêu chuẩn 24	4,50
Tiêu chuẩn 25	4,00

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

*(Kèm theo Nghị quyết số: 01/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 02 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2017-2021 cho thấy Học viện có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được xác định dựa trên các phân tích vĩ mô về xu thế phát triển chung và yêu cầu phát triển đất nước; phù hợp với tình hình của Học viện; đảm bảo tầm nhìn dài hạn, ổn định để đầu tư phát triển liên tục. Hệ thống quản trị hoàn chỉnh, cơ cấu tổ chức, các văn bản thể chế và nhân sự của hệ thống quản trị Học viện được rà soát kịp thời, đáp ứng tốt yêu cầu công tác lãnh đạo, quản lý Học viện. Cơ cấu quản lý phù hợp với quy định của pháp luật và chiến lược phát triển theo từng giai đoạn. Các chỉ tiêu chiến lược được xác lập cho từng lĩnh vực hoạt động, có điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển mới; các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng đảm bảo được thực thi. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên được quy hoạch, được tạo điều kiện phát triển về chuyên môn và có năng lực nghiên cứu khoa học tốt. Tình hình tài chính tăng trưởng tốt và ổn định. Cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, thư viện với hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử được tăng cường đầu tư; môi trường sinh thái và môi trường học tập được tạo dựng tốt, công tác an ninh an toàn được đảm bảo. Mạng lưới phát triển các đối tác, quan hệ đối ngoại được thiết lập đa dạng, gia tăng và đạt nhiều hiệu quả.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập và vận hành khá hiệu quả. Đội ngũ cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ; chính sách chất lượng được xây dựng và thực thi. Công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo được thực hiện định kỳ; các tồn tại phát hiện được khắc phục, cải tiến. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được xây dựng và hỗ trợ kịp thời cho các cấp ra quyết định phù hợp. Công nghệ thông tin được ứng dụng khá hiệu quả trong việc thu thập và quản lý dữ liệu thông tin. Công tác so chuẩn đối sánh đã được quan tâm và bước đầu được triển khai thực hiện.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh rõ ràng, được công bố công khai; kết quả tuyển sinh khá ổn định và có sự gia tăng. Triết lý giáo dục cơ bản được chuyển tải vào trong các hoạt động dạy và học. Các định hướng phát triển ngành đào tạo phù hợp với mục tiêu phát triển đa ngành của Học viện; nội dung các CTĐT có tính cập nhật, cấu trúc có tính linh hoạt. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập với các chính sách phù hợp, cơ chế giám sát quy củ; hệ thống, quy trình tổ chức, quản lý kết quả NCKH và sáng tạo của đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu và người học được thiết lập; tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai khá đồng bộ từ đầu vào đến đầu ra; theo dõi, giám sát, đánh giá và đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo; tỷ lệ có việc làm cao; chất lượng người học tốt

nghiệp được đánh giá tốt. Sản phẩm nghiên cứu phong phú, đa dạng và được cải thiện; kết quả nghiên cứu có chất lượng về học thuật; số sản phẩm được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cải thiện; chuyển giao, thương mại hóa có các kết quả đáng khích lệ, phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ bắt đầu được quan tâm và có kết quả. Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng có nhiều tác động xã hội tích cực, được ghi nhận và giúp cán bộ giảng viên và sinh viên nhận thức tích cực và gắn bó với Học viện. Các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, cơ bản thực hiện tốt; kết quả tài chính tăng trưởng khá ổn định. Vị trí của Học viện được khẳng định là một trong số các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu đất nước trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước và các cơ quan hữu quan.

Tuy nhiên, Học viện vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Học viện cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Tiếp tục rà soát, cập nhật tầm nhìn, sứ mạng; có nội dung tuyên bố về đổi mới sáng tạo phù hợp với chủ trương của Đại hội Đảng lần thứ XIII; định vị Học viện trong tầm nhìn quốc tế để tương thích với khát vọng Việt Nam 2045 và làm cơ sở để thực hiện đổi mới, xây dựng các chỉ tiêu phấn đấu cụ thể; tổ chức xây dựng các chỉ số, lượng hóa và đánh giá kết quả và hiệu quả tác động của các giá trị cốt lõi; kết hợp công bố tại các sự kiện của các bên liên quan để tiếp tục tăng tính thuyết phục và truyền cảm hứng.

2. Có quy định về quy trình xây dựng và ban hành văn bản để tăng cường tính hiệu quả và trao quyền chủ động cao cho Giám đốc Học viện; sớm kiện toàn vị trí Chủ tịch Hội đồng Học viện Khoa 2 và đảm bảo khả thi, thuận lợi cho các khoá tiếp theo; chủ động tổ chức một số chuyên đề, chủ đề của hệ thống quản trị hàng năm, hàng quý để công tác rà soát có tính mục tiêu, định hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động và gia tăng giá trị cho đơn vị một cách rõ ràng và chuyên nghiệp hơn, đáp ứng chiến lược phát triển dài hạn.

3. Có quy trình, hướng dẫn rà soát định kỳ và giám sát cải tiến trên cơ sở đánh giá, điều tra khảo sát xã hội về tính hiệu quả việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các thành phần trong bộ máy quản lý theo KPIs và năng lực quản trị và mức độ hài lòng của các bên liên quan; xây dựng báo cáo tổng kết, phân tích, đánh giá làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao tính hiệu quả của bộ máy, các văn bản điều hành, chỉ đạo, triển khai công tác của Học viện; báo cáo phân tích cơ cấu lãnh đạo, quản lý trước và sau rà soát, điều chỉnh để thấy rõ hoạt động cải tiến cơ cấu tổ chức dựa trên kết quả rà soát, đánh giá.

4. Ban hành hướng dẫn và triển khai xây dựng các chiến lược thành phần, kế hoạch ngắn hạn, quy trình rà soát, đánh giá mức độ thực hiện các KPIs; thực hiện đổi mới quốc tế; có kế hoạch phát triển để sớm trở thành một think-tank lớn có khả năng tư vấn chính sách quốc gia/quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, góp phần thực hiện khát vọng xây dựng một Việt Nam phồn vinh, hùng cường; bổ sung các biện pháp quản trị rủi ro, xác định nguồn lực (nhất là tài chính) thực hiện; xây dựng Logframe thực hiện; nghiên cứu việc áp dụng “Thẻ điểm cân bằng” (BSC) và phương pháp “Hoshin Kanri” trong xây dựng và thực hiện chiến lược; sử dụng lợi thế về ứng dụng công nghệ thông tin để kết nối chặt chẽ giữa các KPIs của chiến lược phát triển với kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch năm học.

5. Nâng cao hiệu quả xây dựng chính sách qua việc ban hành và áp dụng các bản hướng dẫn, tập huấn về việc xây dựng các chính sách; xây dựng quy trình, hướng dẫn, tiêu chí giám sát, đánh giá hiệu quả xã hội của các chính sách đang được thực hiện; khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan đến chính sách trong quá trình thực hiện và sau cải tiến; bổ sung một số chính sách cốt lõi được, một số nội dung có tính nguyên tắc chỉ đạo các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng như: tự do học thuật, quy tắc đạo đức nhà giáo trong đào tạo, xử lý xung đột lợi ích trong nghiên cứu khoa học, xây dựng hình mẫu công dân tích cực trong phục vụ cộng đồng.

6. Xây dựng kế hoạch cụ thể đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của đơn vị đáp ứng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; có các giải pháp đột phá, đủ mạnh giữ chân người tài, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao, và nâng cao chất lượng đội ngũ nghiên cứu viên; có quy định tỷ lệ ngân sách trong cơ cấu thu chi tài chính cho đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ; xây dựng và ban hành được hệ thống KPIs nhằm đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên một cách khoa học, khách quan, minh bạch.

7. Đẩy mạnh chính sách đa dạng hóa nguồn thu, có thể tăng học phí trên cơ sở của Đề án tự chủ và mở những ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, tăng hoạt động liên kết đào tạo quốc tế, bồi dưỡng ngắn hạn; tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, đẩy mạnh việc thành lập các spin-off, ...; đảm bảo tiến độ thực hiện dự án của World Bank, xây dựng và hiện đại hóa đồng bộ cơ sở vật chất, tăng cường công tác số hóa, nâng cấp hệ thống internet và đường truyền, nâng cấp các khu ký túc xá và tăng cường quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng quy trình đánh giá hiệu quả các hạng mục đầu tư, mua sắm phục vụ hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động.

8. Xây dựng biểu mẫu liên quan đến công tác hợp tác quốc tế và phổ biến đến các bên liên quan; phân tích nguồn lực để thực hiện các chỉ tiêu chiến lược chính; xây dựng chiến lược phát triển đối tác, phân loại theo sứ mệnh, chức năng của trường đại học phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của Học viện; có chính sách, đầu tư tập trung các đối tác chiến lược, đặc biệt các đối tác nhằm thúc đẩy để thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu nhằm đưa Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học dẫn đầu khu vực Đông Nam Á trong lĩnh vực nông nghiệp, đại học đổi mới sáng tạo, khai phóng, khác biệt dẫn đầu, phụng sự xã hội, cộng đồng như thiết lập các hợp tác chặt chẽ về nghiên cứu khoa học, các chương trình nghiên cứu quốc tế lớn, sự tham gia của các nhà khoa học xuất sắc từ các trường đại học xuất sắc tham gia giảng dạy, các đối tác thu hút sinh viên quốc tế, các tổ chức, đơn vị dẫn đầu về đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp, các tổ chức trung gian để lan tỏa tri thức, phụng sự xã hội.

9. Tham chiếu Khung Đảm bảo chất lượng ASEAN (AQAF) hoặc của Ủy ban Giáo dục đại học Châu Âu (ENQA), Khung Xuất sắc Baldrige ... để tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp với các mục tiêu chiến lược, nhu cầu phát triển và tương thích với các yêu cầu của hệ thống đảm bảo chất lượng bên ngoài, với bối cảnh Việt Nam; rà soát, điều chỉnh và ban hành riêng Chiến lược Đảm bảo chất lượng tương thích với chiến lược phát triển Học viện; tiếp tục hoàn thiện các kế hoạch chiến lược, các nhiệm vụ hàng năm và hệ thống các quy định, hướng dẫn thực hiện công tác đảm bảo chất lượng và có kế hoạch, biện pháp thích hợp để thu hút các bên liên quan chủ động và tham gia tích cực vào quá trình triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng để phát huy hơn nữa hiệu quả vai trò giám sát, đánh giá và liên tục cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và hướng tới xây dựng, phát triển được văn hóa chất lượng Học viện.

10. Tiếp tục cải tiến quy trình tự đánh giá, tổ chức rút kinh nghiệm để triển khai thực hiện tự đánh giá các chương trình đào tạo theo kế hoạch; lựa chọn ưu tiên, tập trung các phát hiện qua tự đánh giá và các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài để có biện pháp khắc phục, cải tiến phù hợp (ưu tiên việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện tự đánh giá để kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo để đáp ứng được chỉ tiêu yêu cầu); chia sẻ và lan tỏa những thực hành đảm bảo chất lượng tốt nhất trong các đơn vị để đáp ứng đầy đủ, có hiệu quả cho việc thực hiện các mục tiêu chiến lược; đẩy mạnh truyền thông đảm bảo chất lượng để cán bộ, viên chức hiểu rõ về mô hình đảm bảo chất lượng đang vận hành, qua đó tăng cường nhận thức và mức độ tham gia các hoạt động nhằm hướng tới xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng Học viện.

11. Rà soát và có kế hoạch phát triển hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong và hệ thống thông tin truyền thông ra bên ngoài, đảm bảo được việc thu thập, phân tích và sử dụng những thông tin cần thiết phục vụ việc quản lý có hiệu quả những hoạt động cốt lõi; bổ sung hệ thống thông tin về đối sánh trong nước, quốc tế với các cơ sở giáo dục khác, hoặc đối sánh ngoài các chương trình đào tạo, các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; trực quan hóa bằng hình ảnh, biểu đồ ... cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng, đặc biệt giám sát chỉ số thực hiện kế hoạch chiến lược để hỗ trợ hiệu quả hơn trong việc phân tích, đánh giá xu hướng tạo điều kiện dễ dàng cho việc nhận định, đưa ra quyết định; chú trọng hơn nữa đến công tác truyền thông về các thành tích đạt được để góp phần tạo thương hiệu, uy tín và tăng thêm hình ảnh của Học viện ở trong và ngoài nước.

12. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về công tác đối sánh, lưu ý đến việc xác định hình thức, đánh giá hiệu quả ... của đối sánh; xác định rõ vai trò của đối sánh cấp khoa/viện, cấp Học viện và đối sánh ngoài đối với hoạt động cải tiến liên tục; xác định phương thức/hình thức đối sánh dựa trên nhu cầu cải tiến các lĩnh vực hoạt động; đa dạng hơn các loại hình đối sánh và phân tích sâu sắc kết quả đối sánh để tìm ra nguyên nhân, giải pháp cải tiến chất lượng hoặc lựa chọn các thông tin để tham khảo, học tập; rà soát, đánh giá thường xuyên kết quả cải thiện năng lực cạnh tranh quốc tế để không ngừng cải tiến, nâng cao các vị trí xếp hạng và tăng cường các chỉ số thị trường giáo dục của Học viện.

13. Có các chính sách truyền thông quảng bá tuyển sinh cho từng ngành/nhóm ngành, trình độ và các ngành nghề đặc thù, đa dạng các biện pháp truyền thông đối với thí sinh quốc tế; có các chính sách đủ mạnh để thu hút người học bậc tiến sĩ và cần tiếp tục cải tiến quy định, quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học hiện nay trên cơ sở lấy ý kiến góp ý cụ thể từ các bên liên quan để có những cải tiến kịp thời và đạt hiệu quả cao; sớm ban hành bộ quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học cập nhật theo các văn bản mới ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tuyển sinh và đào tạo của các bậc hệ.

14. Rà soát chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo bậc sau đại học theo mẫu thống nhất, tuân thủ theo các quy định; xác định rõ chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học; thống nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và yêu cầu của Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021; thực hiện xuyên suốt, định kỳ, hiệu quả việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan khi thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình đào tạo.

15. Có các chiến lược và chính sách thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên có sự khác biệt, mang tính đột phá cho từng ngành nghề (nhất là ngành nghề đặc

thù, ngành mở mới) để thu hút được nhiều giảng viên giỏi về công tác tại Học viện và nâng cao chất lượng đào tạo; đồng bộ việc tổ chức các hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học, rà soát đề cương chi tiết giữa các khoa, bộ môn và có kế hoạch cho từng kỳ, từng năm học, có báo cáo kết quả và đề xuất cải tiến để hành động; có hướng dẫn truyền tải nội dung triết lý giáo dục thành triết lý dạy học; đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tăng kỹ năng nghề, tăng kiến thức thực tế cho người học.

16. Hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn giảng viên thiết kế các hoạt động đánh giá người học phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra có tính hệ thống, đầy đủ đối với các bậc, hệ đào tạo; giám sát các khoa, bộ môn trong việc xây dựng ma trận liên kết câu hỏi thi với chuẩn đầu ra của học phần để đảm bảo nội dung câu hỏi thi bám sát yêu cầu của chuẩn đầu ra; xây dựng quy định và hướng dẫn thực hiện đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học; xây dựng quy định và hướng dẫn các khoa tổng kết, phân tích đánh giá sự phù hợp của phương pháp kiểm tra – đánh giá đã sử dụng để đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra; rà soát và thống nhất quy trình coi thi và chấm thi đảm bảo nghiêm túc hơn.

17. Phân tích xuyên suốt chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và làm rõ mục tiêu, kế hoạch, hành động từ đó hỗ trợ hiệu quả cho người học nhằm đạt được mục tiêu và CĐR như tham gia bắt buộc của người học trong cuộc sống sinh viên, Đoàn thanh niên, tham gia của sinh viên trong NCKH, các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, có giải pháp hỗ trợ chuyên sâu cho nghiên cứu sinh, học viên cao học với các dự án nghiên cứu quốc tế, gia tăng các kết quả nghiên cứu chất lượng cao; có giải pháp để xây dựng các hệ thống học liệu điện tử, bài giảng trực tuyến, đặc biệt trong thời gian học trực tuyến; có hệ thống giám sát, theo dõi, hỗ trợ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác hỗ trợ người học xuyên suốt, đặc biệt các điều kiện, phương tiện thực hiện công tác; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá sự liên quan, ma trận, tính hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ và của từng đơn vị được giao trách nhiệm.

18. Xem xét, rà soát bổ sung một số chỉ tiêu cơ bản trong Chiến lược phát triển và kế hoạch về chất lượng, các chỉ số đánh giá đơn vị nghiên cứu và nhóm nghiên cứu đạt trình độ các cấp; đẩy mạnh hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để cải tiến chính sách; có cơ chế ưu tiên các nghiên cứu đỉnh cao và tiếp tục đẩy mạnh chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học; có chính sách, cơ chế tăng cường khai thác tài sản trí tuệ, thúc đẩy khởi nghiệp và doanh nghiệp spin-off để phát huy tiềm năng nghiên cứu to lớn của các đơn vị, của cán bộ, giảng viên.

19. Rà soát, tổng kết hệ thống quản lý và các chính sách để hoàn thiện hướng đến hiệu quả cao hơn gắn với lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ; có chính sách hỗ trợ, khuyến khích và thúc đẩy các đơn vị, nhà khoa học đăng ký bản quyền và bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm nghiên cứu khoa học; tăng cường lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan để rà soát, cải tiến công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ; có chính sách và các giải pháp cụ thể đẩy mạnh hơn nữa khai thác, chuyển giao, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học và tài sản trí tuệ để tăng nguồn thu cho Học viện, các đơn vị và nhà khoa học tương xứng tiềm năng nghiên cứu và phát triển công nghệ.

20. Có chiến lược, chính sách và các cơ chế để thúc đẩy các hợp tác nghiên cứu khoa học và số dự án nghiên cứu khoa học thông qua hợp tác hướng tới sản phẩm nghiên cứu đỉnh cao; có chỉ báo và hướng dẫn rà soát cơ chế đánh giá, rà soát tính hiệu quả trong triển khai hợp tác và đối tác nghiên cứu; cải tiến mạng lưới đối tác, đặc biệt với nhà đầu tư để phát triển

mạnh doanh nghiệp khoa học công nghệ và khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

21. Xây dựng chính sách và khung tham chiếu thúc đẩy hoạt động phục vụ cộng đồng gắn với từng cá nhân, đơn vị và tổ chức; làm rõ sứ mệnh của một cơ sở giáo dục hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp, tham gia góp phần vào các chỉ số năng lực cạnh tranh, phát triển quốc gia về đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy học tập suốt đời; nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI) và góp phần vào chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII), và gia tăng chỉ số chuyên đổi số; có giải pháp tuyên truyền, chuyển biến nhận thức về sứ mệnh, trách nhiệm của cán bộ, giảng viên về thực hiện công tác kết nối và phục vụ cộng đồng; phân bổ nguồn lực và quyền tự chủ nhiều hơn cho các đơn vị chức năng để theo sát nhu cầu các địa phương, doanh nghiệp, từ đó có kế hoạch triển khai dịch vụ được tốt hơn.

22. Tiếp tục tìm các giải pháp tối ưu để hạn chế thấp nhất tỷ lệ sinh viên bị cảnh báo học tập và buộc thôi học, có phương án tư vấn tâm lý và tăng cường hỗ trợ, giám sát của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập; tiếp tục có giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ, lập thêm câu lạc bộ tiếng Anh để giúp hỗ trợ các điều kiện cho sinh viên sớm hoàn thành các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, hoàn thành các điều kiện để tốt nghiệp đúng hạn; lập kế hoạch, triển khai thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp với các trường trong và ngoài nước.

23. Có chiến lược, giải pháp đột phá nâng cao hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ, trong đó có xác lập đầy đủ các chỉ số KPIs về chất lượng các loại hình, kết quả nghiên cứu khoa học và sở hữu trí tuệ; có cơ sở dữ liệu theo dõi một cách hệ thống các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn để giám sát và thực hiện đối sánh trong và ngoài nước; chú trọng tạo môi trường sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo để thúc đẩy nhanh việc hình thành các doanh nghiệp Startup/Spin-offs; tăng sử dụng ngân quỹ nghiên cứu khoa học cho người học; có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy kết nối, liên kết doanh nghiệp, nhà đầu tư để đẩy mạnh hơn chuyển giao, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học và tài sản trí tuệ.

24. Xây dựng chiến lược thực thi và mục tiêu cụ thể cho từng nhóm việc và đối tượng tham gia, nguồn lực tương ứng, đơn vị phối hợp để thực hiện công tác kết nối và phục vụ cộng đồng bám theo sứ mạng, mục tiêu và nguồn lực của Học viện nói riêng và sứ mệnh của một trường đại học nói chung; có các giải pháp, chương trình thực thi thực hiện xây dựng xã hội học tập cộng đồng, nâng cao khả năng học tập suốt đời, lan tỏa tri thức, nâng cao dân trí, phổ biến tri thức khoa học, cập nhật ra cộng đồng; nghiên cứu xác lập mức độ tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội thể hiện cụ thể trong các kế hoạch phát triển, kế hoạch nhiệm vụ năm học, có hướng dẫn và kế hoạch triển khai phù hợp; hoàn thiện hệ chỉ báo và các chỉ số thực hiện để định kỳ giám sát, đối sánh và có kế hoạch cải tiến.

25. Đẩy mạnh chính sách đa dạng hóa nguồn thu, mở những ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, tăng hoạt động liên kết đào tạo quốc tế và các hoạt động đào tạo ngắn hạn khác để nâng cao các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường; tăng cường các hợp tác với doanh nghiệp, đẩy mạnh việc thành lập các spin-off, v.v. để tăng thêm nguồn thu, nâng thu nhập cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, phục vụ tốt công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; xác định bằng văn bản các chỉ số của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng: chỉ số cạnh tranh, thị phần, thứ hạng, lựa chọn đối tác đối sánh theo tầm

nhìn và xây dựng, ban hành các văn bản quy định hệ thống giám sát tổng thể kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; xây dựng lộ trình tham gia xếp hạng các trường đại học theo bảng xếp hạng trong và ngoài nước nhằm thực hiện chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Học viện cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Học viện cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
